

# CUỘC THI OLYMPIC TIẾNG ANH TRÊN INTERNET (IOE) TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ GIÁO DỤC: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU THAM GIA VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2020-2024

THE INTERNET OLYMPIADS OF ENGLISH (IOE) IN THE CONTEXT OF EDUCATIONAL DIGITAL TRANSFORMATION: PARTICIPATION DATA ANALYSIS AND DEVELOPMENT TRENDS (2020-2024)

Lê Anh Vinh<sup>1</sup>,  
Đoàn Thị Thúy Hạnh<sup>1</sup>,  
Võ Thanh Hà<sup>1,+</sup>,  
Hồ Thị Hồng Vân<sup>1</sup>,  
Phùng Thị Thu Trang<sup>2</sup>,  
Nguyễn Thị Chi<sup>1</sup>,  
Bùi Thanh Thủy<sup>1</sup>,  
Trần Thị Bích Ngân<sup>1</sup>,  
Lê Việt Hoà<sup>3</sup>,  
Tô Thị Lan Anh<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Viện Khoa học giáo dục Việt Nam;

<sup>2</sup>Trường Đại học FPT;

<sup>3</sup>Công ty Cổ phần VTC Truyền thông trực tuyến

+Tác giả liên hệ • Email: havt@gesd.edu.vn

## Article history

Received: 15/5/2026

Accepted: 08/6/2026

Published: 20/7/2026

## Keywords

IOE, online learning,  
language assessment,  
educational digital  
transformation, learning  
analytics

## ABSTRACT

In the context of progressive digital transformation in education and the growing demand to evaluate the effectiveness of online learning platforms, investigating the Internet Olympiads of English (IOE) has both theoretical and practical significance. This paper examines the development and impact of IOE in Vietnam's general education system during the period 2020-2024. The study utilizes large-scale data from the IOE system, comprising approximately 3,450,652 test attempts by students from Grade 1 to Grade 12. The research methods include secondary data analysis, descriptive statistics, content analysis, and comparative synthesis. The findings highlight a significant increase in student participation, which was positively correlated with students' IOE test scores. The IOE system is also found to support comprehensive language proficiency assessment through digital technologies, thereby expanding access to foreign language learning opportunities. The study confirms the effectiveness of large-scale online learning and assessment platforms in enhancing language competence. It also suggests further improving IOE through personalized learning and enhanced assessment quality. Future research should focus on examining the long-term impact of digital platforms on students' learning outcomes.

## 1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, năng lực ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, đã trở thành một trong những yếu tố thiết yếu đối với nguồn nhân lực của mỗi quốc gia. Tiếng Anh được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp quốc tế, hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và hợp tác kinh tế. Do đó, năng lực ngoại ngữ ngày càng được xem là một thành tố quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần nâng cao khả năng tham gia và cạnh tranh trong môi trường quốc tế (Graddol, 2006).

Tại Việt Nam, phát triển năng lực ngoại ngữ cho HS và sinh viên đã được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của hệ thống giáo dục quốc dân. Nhận thức tầm quan trọng này, Chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều chính sách và chương trình nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ. Điển hình là Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, được phê duyệt theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008, với mục tiêu đến năm 2020 phần lớn thanh niên Việt Nam tốt nghiệp các cấp học có năng lực sử dụng ngoại ngữ độc lập, tự tin trong môi trường hội nhập (Thủ tướng Chính phủ, 2008). Tiếp nối, Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 tiếp tục điều chỉnh và bổ sung Đề án đến năm 2025, nhấn mạnh mục tiêu nâng cao chất lượng, phát triển năng lực sử dụng ngoại ngữ thực tiễn và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học (Thủ tướng Chính phủ, 2017). Định hướng

tăng cường ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong dạy học ngoại ngữ tiếp tục được thể hiện trong các chính sách giáo dục gần đây, trong đó có Quyết định số 2732/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045 (Thủ tướng Chính phủ, 2025).

Mặc dù các chính sách và đề án nâng cao năng lực ngoại ngữ đã được triển khai, năng lực tiếng Anh của người học Việt Nam vẫn còn một số hạn chế. Theo báo cáo Chỉ số thông thạo tiếng Anh EF (EF English Proficiency Index) năm 2025, Việt Nam đạt mức “thông thạo trung bình”, cho thấy việc nâng cao năng lực ngoại ngữ cho HS vẫn là một nhiệm vụ cần tiếp tục được quan tâm và đầu tư (Education First, 2025). Thực tế, quá trình phát triển năng lực ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục phổ thông tại Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm sự khác biệt về điều kiện dạy học giữa các vùng miền, hạn chế về môi trường sử dụng ngoại ngữ trong đời sống hằng ngày, cũng như những hạn chế trong phương pháp giảng dạy và cơ hội thực hành ngôn ngữ của HS.

Trước những hạn chế này, việc tìm kiếm các giải pháp đổi mới phương thức dạy học, đặc biệt thông qua ứng dụng công nghệ số trở nên cấp thiết. Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số trong giáo dục đã trở thành xu hướng phát triển quan trọng trên phạm vi toàn cầu và Việt Nam cũng tích cực thúc đẩy quá trình này. Chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở việc số hóa tài liệu mà còn bao gồm tái cấu trúc phương thức dạy học, kiểm tra - đánh giá và quản lý giáo dục trên nền tảng công nghệ số. Giáo dục ngoại ngữ là một trong những lĩnh vực hưởng lợi rõ rệt từ sự phát triển của công nghệ số, giúp người học tiếp cận nguồn học liệu phong phú, đa dạng và tương tác với môi trường học tập toàn cầu (Chapelle, 2001). Nhiều nghiên cứu đã khẳng định vai trò tích cực của học trực tuyến trong dạy và học tiếng Anh, đặc biệt trong việc nâng cao mức độ tham gia và kết quả học tập của người học (Hung và Bao, 2023; Pham và cộng sự, 2024; Yunita, 2023). Các mô hình học tập trực tuyến (online learning) và học tập kết hợp (blended learning) cũng ngày càng được triển khai rộng rãi, mang lại khả năng linh hoạt và tăng cường sự tham gia chủ động của người học (Graham, 2013). Công nghệ số đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, với các công cụ như hệ thống quản lý học tập (LMS), ứng dụng học ngoại ngữ và nền tảng giao tiếp trực tuyến (Hockly, 2015). Các nền tảng học tập và đánh giá trực tuyến cũng phát triển mạnh mẽ, cung cấp bài tập tương tác, kiểm tra trực tuyến, chấm điểm tự động và phân tích dữ liệu học tập, giúp GV theo dõi tiến trình và cung cấp phản hồi kịp thời (Redecker, 2017).

Trong bối cảnh giáo dục số đang phát triển mạnh mẽ, các nền tảng học tập và đánh giá trực tuyến quy mô lớn ngày càng đóng vai trò quan trọng trong dạy học ngoại ngữ. Trong số đó, cuộc thi Olympic tiếng Anh trên Internet (Internet Olympiad of English - IOE) đã hình thành như một mô hình học tập và đánh giá năng lực tiếng Anh thông qua môi trường trực tuyến dành cho HS phổ thông tại Việt Nam. IOE được triển khai từ năm 2010 và từng bước hoàn thiện về thể lệ, cấu trúc và quy mô tổ chức dưới sự quản lý của Bộ GD-ĐT. Ngay từ đầu, Bộ GD-ĐT đã ban hành Quyết định số 4480/QĐ-BGDĐT ngày 06/10/2010, ban hành Thể lệ cuộc thi IOE, đặt nền tảng pháp lý cho việc tổ chức cuộc thi trên phạm vi toàn quốc (Bộ GD-ĐT, 2010). IOE đã nhanh chóng thu hút sự tham gia của đông đảo HS và GV trên cả nước, góp phần tạo nên phong trào học tiếng Anh thông qua môi trường trực tuyến trong các trường phổ thông. Đến năm 2014, Bộ GD-ĐT tiếp tục hoàn thiện thể lệ cuộc thi thông qua việc ban hành Quyết định số 5572/QĐ-BGDĐT về Thể lệ cuộc thi IOE, trong đó quy định cụ thể hơn về đối tượng dự thi, hệ thống các vòng thi, công tác tổ chức và quản lý cuộc thi trên phạm vi toàn quốc (Bộ GD-ĐT, 2014). Trong bối cảnh ngành Giáo dục đang đẩy mạnh nâng cao năng lực ngoại ngữ và từng bước hiện thực hóa mục tiêu đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, IOE góp phần tạo môi trường học tập, thực hành và đánh giá tiếng Anh trên nền tảng số, qua đó hỗ trợ HS phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh một cách thường xuyên và liên tục. Bên cạnh chức năng hỗ trợ học tập và đánh giá trực tuyến, IOE còn được định vị là “sân chơi giúp khơi dậy niềm yêu thích tiếng Anh của các em HS trên khắp Việt Nam, từ đó có thể ứng dụng và sử dụng tiếng Anh vào các lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống” (IOE, n.d.).

Sự mở rộng về quy mô tham gia của IOE thể hiện rõ qua việc hàng triệu HS đã đăng ký tài khoản và tham gia các vòng luyện tập cũng như các vòng thi chính thức trong nhiều năm học (IOE, n.d.). Việc tổ chức cuộc thi trên nền tảng Internet giúp HS ở nhiều địa phương có thể tiếp cận và tham gia một cách thuận tiện, góp phần mở rộng cơ hội học tập ngoại ngữ trong môi trường số. IOE đã trở thành một trong những cuộc thi trực tuyến quy mô lớn dành cho HS phổ thông, góp phần tạo động lực học tập tiếng Anh và thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ.

Mặc dù IOE có vai trò quan trọng và quy mô lớn, các nghiên cứu chuyên sâu phân tích dữ liệu quy mô lớn của nền tảng này vẫn còn hạn chế. Đặc biệt, còn thiếu nghiên cứu về tác động cụ thể của IOE đối với việc học tiếng Anh và việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục tại Việt Nam, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ gần đây. Việc thiếu các phân tích định lượng và đánh giá toàn diện về sự phát triển và tác động của IOE có thể hạn chế khả năng hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng, tối ưu hóa hoạt động và phát huy tối đa tiềm năng của nền tảng này.

Vì vậy, bài báo này được thực hiện nhằm cung cấp một cái nhìn toàn diện về quá trình hình thành, phát triển và triển khai cuộc thi IOE trong bối cảnh đổi mới giáo dục và chuyển đổi số ở Việt Nam. Nghiên cứu hướng tới các mục tiêu cụ thể: (1) phân tích dữ liệu tham gia và kết quả thi IOE giai đoạn 2020-2024 để đánh giá quy mô tăng trưởng và hiệu suất học tập của HS; (2) làm rõ đặc điểm phát triển của hệ thống thi và nền tảng công nghệ của IOE, bao gồm sự tích hợp các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo; và (3) đánh giá vai trò của IOE trong việc hỗ trợ học tập tiếng Anh và ứng dụng công nghệ trong giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số. Trên cơ sở các mục tiêu này, nghiên cứu tập trung trả lời một số câu hỏi chính: (1) Quy mô và mức độ tham gia của HS vào IOE thay đổi như thế nào trong giai đoạn 2020-2024?; (2) Mối quan hệ giữa mức độ tham gia và kết quả thi IOE của HS là gì?; (3) Hệ thống thi và nền tảng công nghệ của IOE đã được phát triển như thế nào trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục?; (4) Những hàm ý chính sách và giáo dục nào có thể rút ra từ các phát hiện nghiên cứu? Thông qua việc trả lời các câu hỏi này, nghiên cứu kỳ vọng cung cấp bằng chứng thực nghiệm để hỗ trợ đánh giá hiệu quả của IOE, đồng thời làm rõ vai trò của các nền tảng học tập và đánh giá trực tuyến trong việc nâng cao năng lực ngoại ngữ và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục Việt Nam.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp kết hợp thống kê mô tả, phân tích tương quan và phân tích tài liệu nhằm làm rõ xu hướng phát triển của cuộc thi IOE trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục giai đoạn 2020-2024. Nguồn dữ liệu chính của nghiên cứu là dữ liệu tổng hợp từ hệ thống IOE trong giai đoạn 2020-2024, bao gồm số lượng HS tham gia, số lượt dự thi, mức độ tham gia qua các vòng thi, kết quả thi và một số thông tin phân bố theo khối lớp và vùng miền. Tổng số dữ liệu phân tích bao gồm khoảng 3,45 triệu lượt dự thi của HS từ lớp 1 đến lớp 12 trên hệ thống IOE.

Dữ liệu được sử dụng để phân tích các nội dung chính gồm: (1) quy mô và xu hướng tham gia của HS theo thời gian; (2) mức độ tham gia của HS thông qua số vòng và số lượt dự thi; (3) mối quan hệ giữa mức độ tham gia và điểm thi IOE; và (4) xu hướng phát triển của hệ thống thi và nền tảng công nghệ IOE.

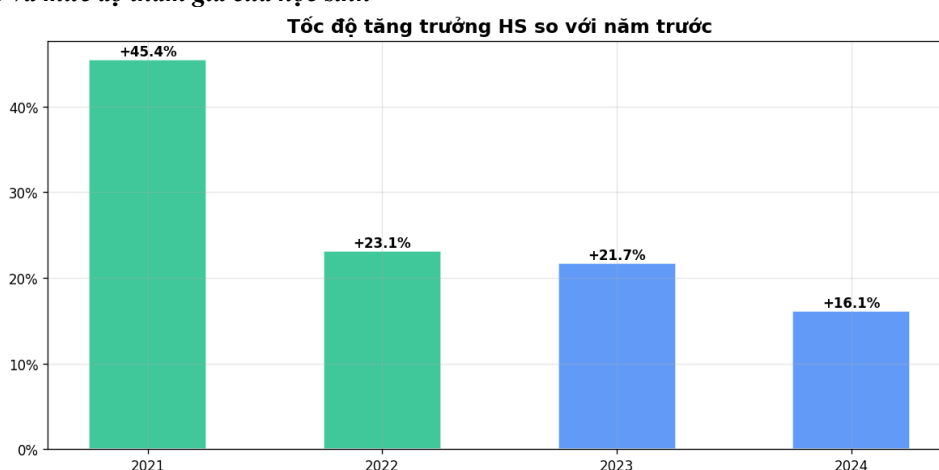
Nghiên cứu sử dụng các phương pháp thống kê mô tả như tần suất, tỉ lệ phần trăm, giá trị trung bình và tốc độ tăng trưởng nhằm phản ánh xu hướng phát triển của cuộc thi theo thời gian. Ngoài ra, nghiên cứu sử dụng hệ số tương quan Pearson để xem xét mối quan hệ giữa số vòng tham gia và điểm thi IOE của HS.

Bên cạnh dữ liệu hệ thống, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu đối với các văn bản chính sách, tài liệu giới thiệu về IOE và các thông tin liên quan đến cấu trúc hệ thống thi, ngân hàng câu hỏi, hình thức tổ chức và xu hướng ứng dụng công nghệ trong nền tảng IOE nhằm hỗ trợ việc phân tích quá trình phát triển của cuộc thi trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu được trình bày ở dạng tổng hợp và không bao gồm thông tin định danh cá nhân của người học. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu được thực hiện nhằm phục vụ mục đích nghiên cứu học thuật, bảo đảm nguyên tắc bảo mật thông tin và đạo đức nghiên cứu.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Quy mô và mức độ tham gia của học sinh



Biểu đồ 1. Tốc độ tăng trưởng số HS tham gia thi IOE so với năm trước giai đoạn 2021-2024 (VTC Online, 2025)

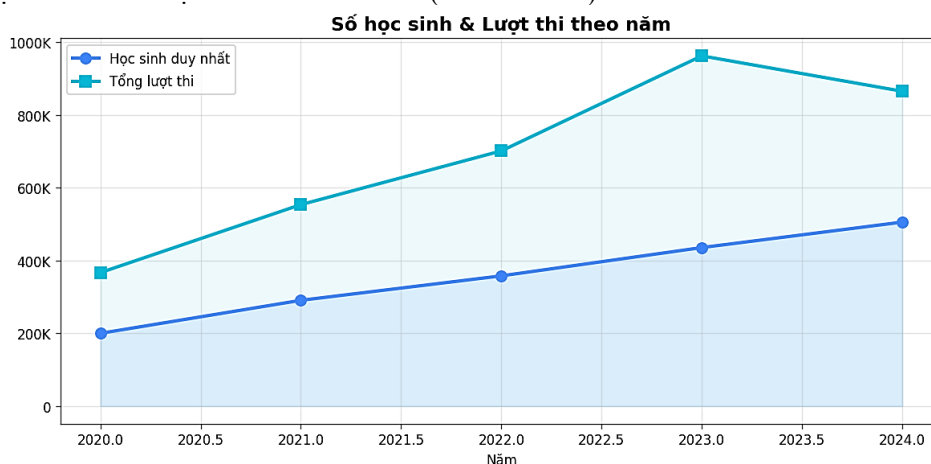
Về số lượng HS tham gia và xu hướng tăng theo thời gian: Kết quả phân tích, xử lý dữ liệu được cung cấp từ VTC Online - đơn vị tổ chức cuộc thi IOE cho thấy, trong giai đoạn 2020-2024, tổng số lượt thi đạt 3.450.652 lượt, với

1.790.830 HS tham gia (mỗi HS được tính một lần). Riêng năm 2024 ghi nhận 505.845 HS tham gia - mức cao nhất trong 5 năm và tăng 152% so với năm 2020 (VTC Online, 2025). Các số liệu này cho thấy quy mô tham gia tăng mạnh và duy trì xu hướng tăng ổn định qua thời gian, phản ánh sự mở rộng rõ rệt về mức độ lan tỏa và phạm vi triển khai của kì thi IOE.

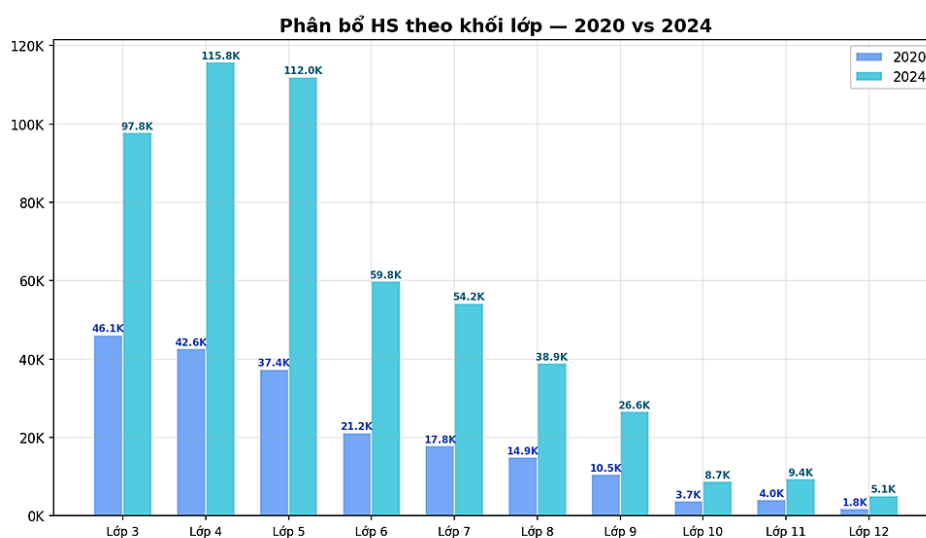
**Mức độ tăng trưởng quy mô số lượng HS dự thi:** Tỷ lệ tăng trưởng số HS theo từng năm như sau: năm 2021 tăng 45,4%; năm 2022 tăng 23,1%; năm 2023 tăng 21,7%; năm 2024 tăng 16,1%. Tốc độ tăng trưởng kép trong giai đoạn 2020-2024 đạt 26,1% mỗi năm. Năm 2021 là năm ghi nhận mức tăng mạnh nhất, cho thấy sự phát triển nhanh về quy mô tham gia. Trong các năm sau đó, số lượng HS vẫn tiếp tục tăng, nhưng tốc độ tăng có xu hướng giảm dần. Điều này cho thấy quy mô đang dần tiệm cận với trạng thái ổn định hơn sau giai đoạn mở rộng nhanh ban đầu.

Tỷ lệ tăng trưởng năm sau so với năm trước: 2021: +45,4%; 2022: +23,1%; 2023: +21,7%; 2024: +16,1%. Xu hướng giảm dần của tốc độ tăng trưởng phản ánh sự chuyển dịch từ giai đoạn mở rộng nhanh sang giai đoạn tăng trưởng bền vững của chương trình. Biểu đồ tăng trưởng (%) theo năm cho thấy sau mức tăng mạnh vào năm 2021, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm dần qua các năm tiếp theo, dù vẫn duy trì xu hướng tích cực (xem biểu đồ 1).

**Số lượt HS dự thi IOE và số lượng HS dự thi giai đoạn 2020-2024:** Số lượng HS tham gia dự thi duy nhất (là những HS tham dự thực tế, mỗi HS chỉ được tính một lần, dù có thể tham gia nhiều vòng hoặc nhiều lượt thi) tham gia kì thi tăng liên tục trong giai đoạn 2020-2024. Đồng thời, tổng số lượt thi cũng gia tăng đáng kể, trong đó năm 2023 ghi nhận mức cao nổi bật so với các năm trước (xem biểu đồ 2).



Biểu đồ 2. Mức tăng trưởng số HS tham gia và tổng lượt thi chương trình IOE giai đoạn 2020-2024



Biểu đồ 3. Phân bố số HS tham gia theo khối lớp: so sánh năm 2020 và 2024 (VTC Online, 2025)

**Mức độ phân bố HS dự thi theo khối lớp:** Về phân bố theo khối lớp, năm 2024 ghi nhận Lớp 4 là khối có số lượng HS tham gia đông nhất, với 115,799 HS, chiếm 22,3% tổng số thí sinh. Điều này cho thấy đây là nhóm lớp có mức độ tham gia nổi bật trong năm gần nhất (xem bảng 1).

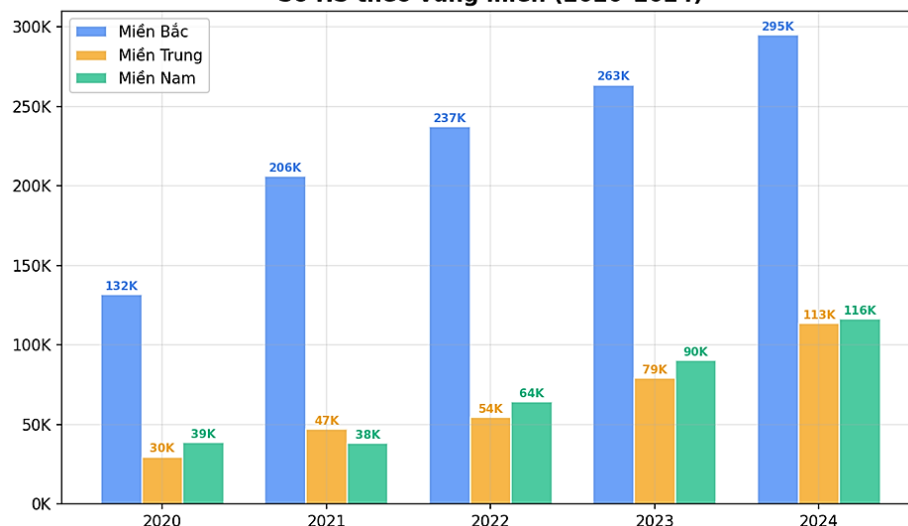
*Bảng 1. Phân bố HS theo khối lớp - 2020 và 2024*

| Năm  | Lớp 3  | Lớp 4   | Lớp 5   | Lớp 6  | Lớp 7  | Lớp 8  | Lớp 9  | Lớp 10 | Lớp 11 | Lớp 12 |
|------|--------|---------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 2020 | 46,132 | 42,632  | 37,391  | 21,187 | 17,847 | 14,945 | 10,521 | 3,693  | 3,998  | 1,778  |
| 2024 | 97,802 | 115,799 | 111,962 | 59,842 | 54,201 | 38,915 | 26,577 | 8,711  | 9,383  | 5,115  |

Ghi chú: Trục hoành: khối lớp (Lớp 3-12); trục tung: số HS duy nhất. Cột xanh đậm: năm 2020; cột xanh nhạt: năm 2024. Khối Tiểu học (Lớp 3-5) chiếm tỉ trọng lớn nhất cả hai năm, với Lớp 4 đạt đỉnh năm 2024 (115,799 HS). Sự tăng trưởng mạnh ở tất cả các khối phản ánh mở rộng quy mô chương trình IOE giai đoạn 2020-2024.

**Phân bố số lượng HS dự thi IOE theo vùng miền:** Về kết quả điểm trung bình theo vùng, miền Bắc duy trì mức điểm cao nhất qua các năm. Kết quả đáng ghi nhận là miền Nam có sự cải thiện rõ rệt trong giai đoạn 2023-2024, thể hiện xu hướng phục hồi và nâng cao chất lượng. Miền Bắc duy trì vị trí dẫn đầu xuyên suốt giai đoạn về số lượng HS tham gia, chiếm 57,6% tổng số HS năm 2024, điều này có thể do có sự khác biệt về dân số, mức độ triển khai, chính sách địa phương hoặc điều kiện hạ tầng. Miền Trung và miền Nam có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn trong giai đoạn 2022-2024, cho thấy xu hướng mở rộng phạm vi chương trình ra các vùng miền (xem biểu đồ 4 và bảng 2).

**Số HS theo vùng miền (2020-2024)**



*Biểu đồ 4. Phân bố số HS tham gia thi IOE theo vùng miền giai đoạn 2020-2024 (VTC Online, 2025)*

*Bảng 2. Số HS theo vùng miền (2020-2024)*

| Vùng miền  | 2020    | 2021    | 2022    | 2023    | 2024    |
|------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Miền Bắc   | 131,626 | 205,906 | 237,238 | 263,480 | 295,004 |
| Miền Trung | 29,672  | 46,923  | 54,495  | 79,168  | 113,450 |
| Miền Nam   | 38,763  | 38,065  | 64,299  | 90,462  | 116,147 |

### 3.2. Mối quan hệ giữa mức độ tham gia và kết quả học tập

**Phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính về tương quan mức độ tham gia và điểm thi của HS** (xem hình 1): Phân tích cho thấy có mối liên hệ thuận chiều giữa số vòng tham gia và điểm số đạt được (hệ số tương quan  $r = 0,369$ ). Điều này có nghĩa là HS tham gia càng nhiều vòng thi thì điểm trung bình có xu hướng cao hơn. Cụ thể, những HS tham gia đủ 4 vòng trong năm đạt điểm trung bình khoảng 1.415 điểm, trong khi những HS chỉ tham gia 1 vòng đạt trung bình 984 điểm. Như vậy, nhóm thi đủ 4 vòng có điểm cao hơn khoảng 43,8% so với nhóm chỉ thi 1 vòng.

Mối quan hệ thuận chiều giữa số vòng tham gia và kết quả điểm cho thấy việc tăng cường mức độ gắn bó của HS với các vòng thi là một hướng can thiệp phù hợp. Do đó, cần triển khai các giải pháp thúc đẩy sự tham gia liên tục như nhắc lịch, tạo động lực thi đua, ứng dụng gamification và tăng cường phối hợp với nhà trường, nhằm đồng thời nâng cao tỉ lệ duy trì và chất lượng kết quả thi.



Hình 1. Hệ số tương quan Pearson và điểm thi trung bình theo mức độ tham gia của HS IOE giai đoạn 2020-2024

Về vai trò của luyện tập trực tuyến IOE đối với kết quả học tập: Kết quả phân tích cho thấy tương quan thuận giữa mức độ chuyên cần và thành tích học tập. Kết quả phân tích xác nhận mối liên hệ tích cực giữa số lượng vòng thi hoàn thành và điểm số đạt được. Việc duy trì tương tác thường xuyên với nền tảng trực tuyến là nhân tố trực tiếp thúc đẩy sự cải thiện về năng lực ngôn ngữ và kết quả thi cử của HS.

Hệ thống thi trực tuyến đóng vai trò là môi trường thúc đẩy động lực thông qua các cơ chế thi đua và trò chơi hóa (*gamification*). Điều này giúp chuyển đổi hình thức học tập thụ động sang chủ động, hỗ trợ HS duy trì sự kiên trì và tính liên tục trong quá trình tiếp cận ngoại ngữ. Luyện tập trực tuyến là công cụ tạo động lực và hình thành thói quen học tập tự giác.

Trong giai đoạn 2020-2024, IOE đã thể hiện vai trò kép: vừa mở rộng phạm vi tiếp cận (số lượng thí sinh), vừa nâng cao chất lượng thực chất (xu hướng cải thiện điểm số). Nền tảng này đóng vai trò là công cụ hỗ trợ hiệu quả cho chương trình giáo dục phổ thông, góp phần chuẩn hóa và phát triển năng lực ngoại ngữ trên diện rộng. Điều đó cho thấy hiệu quả trong việc nâng cao quy mô và chất lượng giáo dục ngoại ngữ.

Dữ liệu cho thấy tầm quan trọng của việc phối hợp giữa nhà trường và nền tảng công nghệ. Các giải pháp như nhắc lịch, quản lý lộ trình và tạo phong trào thi đua là những hướng can thiệp phù hợp để tối ưu hóa tỉ lệ duy trì và nâng cao hiệu suất học tập của người học. Đây là cơ sở cho các chiến lược can thiệp giáo dục số.

Nhìn chung, các kết quả phân tích cho thấy IOE trong giai đoạn 2020-2024 không chỉ mở rộng mạnh về quy mô và phạm vi tham gia, mà còn duy trì và từng bước nâng cao chất lượng kết quả học tập của HS. Sự gia tăng về số lượng thí sinh, tỉ lệ duy trì qua các vòng thi và xu hướng cải thiện điểm số cho thấy kì thi đang trở thành một công cụ hỗ trợ hiệu quả trong việc thúc đẩy HS học tập tiếng Anh, đồng thời góp phần tạo động lực học tập và phát triển năng lực ngoại ngữ trong nhà trường phổ thông.

### 3.3. Sự phát triển của hệ thống thi IOE

Hệ thống thi Olympic tiếng Anh trên Internet đã trải qua quá trình thay đổi cấu trúc, chuyển dịch từ mô hình đánh giá kiến thức ngôn ngữ truyền thống sang một nền tảng có chức năng hỗ trợ học tập và ôn luyện. Kiến trúc tổng thể của hệ thống được thiết kế theo cấu trúc phân tầng, bao gồm ba vòng chính: tự luyện, thi chính thức và thi trải nghiệm. Vòng tự luyện bao gồm 35 vòng tương ứng với 35 tuần học, yêu cầu HS đạt tối thiểu 75% điểm để hoàn thành, nhằm đảm bảo mức độ nắm vững kiến thức trước khi chuyển sang giai đoạn tiếp theo (IOE, n.d). Vòng thi chính thức được tổ chức ở bốn cấp độ (trường, quận/huyện, tỉnh/thành phố, quốc gia) với cấu trúc 200 câu hỏi trong 30 phút, kiểm tra kiến thức và đánh giá khả năng phản xạ ngôn ngữ dưới áp lực thời gian. Vòng thi trải nghiệm đóng vai trò hỗ trợ HS làm quen với định dạng và áp lực thi cử.

Bên cạnh cấu trúc phân tầng, quy mô ngân hàng câu hỏi của IOE cũng phản ánh sự thay đổi về chuyên môn. Với hơn 600.000 câu hỏi được cập nhật và phân bổ theo 12 khối lớp, hệ thống cung cấp sự đa dạng và khả năng phân hóa trong đánh giá. Sự phân tầng theo khối lớp phản ánh sự điều chỉnh phù hợp với trình độ nhận thức của HS, tạo ra một lộ trình phát triển năng lực ngôn ngữ từ tiểu học đến THPT. Sự chuyển dịch từ “cuộc thi” sang “hệ sinh thái học tập” được thể hiện qua việc tích hợp các lộ trình ôn luyện, bám sát chương trình của Bộ GD-ĐT cũng như các chuẩn quốc tế. Điều này cho thấy IOE đang hoạt động như một công cụ đo lường kết hợp với môi trường hỗ trợ học tập.

### 3.4. Xu hướng đổi mới công nghệ trong hệ thống IOE

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, IOE đã áp dụng một số xu hướng công nghệ giáo dục (EdTech) nhằm thay đổi trải nghiệm học tập. Một trong những điều chỉnh là việc áp dụng phương pháp “gamification” (game hóa) trong thiết kế bài thi. Nội dung học thuật được số hóa thông qua các câu chuyện hoạt hình và trò chơi tương tác. Cách tiếp cận này nhằm giảm bớt áp lực thi cử, đồng thời tạo động lực và tăng cường mức độ tương tác của HS với hệ thống.

Bên cạnh gamification, sự tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) là một thay đổi kỹ thuật trong năng lực đánh giá của IOE. Từ năm 2023, hệ thống đã ứng dụng AI và học máy (machine learning) vào việc luyện nói, cho phép phân tích và phản hồi về cách phát âm của người học. Sự ứng dụng AI này tự động hóa quá trình đánh giá và hỗ trợ xu hướng cá nhân hóa học tập, cung cấp phản hồi cụ thể cho từng HS. Hơn nữa, sự phát triển đa nền tảng, từ nền tảng web đến ứng dụng di động (IOE App), đã mở rộng khả năng tiếp cận của người học. Sự đồng bộ hóa dữ liệu giữa các thiết bị cho phép HS học tập linh hoạt hơn, phản ánh xu hướng chung của EdTech trong việc tạo ra môi trường học tập không giới hạn về không gian.

### **3.5. Hàm ý đối với giáo dục và chính sách**

Sự phát triển và những thay đổi công nghệ của hệ thống IOE mang lại một số hàm ý đối với giáo dục và chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số. Trước hết, các nền tảng học tập trực tuyến như IOE thể hiện vai trò trong việc thực hiện mục tiêu chuyển đổi số giáo dục, chuyển từ mô hình truyền thụ kiến thức một chiều sang môi trường học tập tương tác và cá nhân hóa. Bằng cách cung cấp một hệ sinh thái học tập, các nền tảng này hỗ trợ quá trình tự học của HS và cung cấp công cụ quản lý, đánh giá cho GV và nhà trường.

Sự phát triển của IOE cũng cho thấy khả năng mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục ngoại ngữ, đặc biệt đối với HS ở các khu vực ngoài đô thị, nông thôn và vùng sâu vùng xa, nhưng hiệu quả thực tế còn phụ thuộc vào hạ tầng số và điều kiện KT-XH của từng nhóm người học. Đối với các cơ quan quản lý và hoạch định chính sách, dữ liệu từ IOE cung cấp thông tin tham khảo về hiệu quả của việc đầu tư vào hạ tầng công nghệ giáo dục. Các chính sách giáo dục có thể xem xét việc khuyến khích sự phát triển của các nền tảng EdTech trong nước, đồng thời xây dựng các khung chuẩn đánh giá năng lực số và ngoại ngữ phù hợp với xu hướng công nghệ mới. Sự kết hợp giữa định hướng chính sách và sự phát triển của các nền tảng công nghệ là một yếu tố cần thiết để cải thiện chất lượng giáo dục ngoại ngữ trong kỉ nguyên số.

### **4. Kết luận và bình luận**

Nghiên cứu về sự phát triển và tác động của cuộc thi Olympic tiếng Anh trên Internet trong giai đoạn 2020-2024 đã cung cấp thêm một cách nhìn về vai trò của các nền tảng công nghệ giáo dục quy mô lớn đối với giáo dục phổ thông tại Việt Nam. Kết quả thực nghiệm khẳng định IOE không chỉ dừng lại ở một sân chơi trực tuyến đơn thuần mà đã phát triển thành một hệ sinh thái học tập số hóa đồng bộ, góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng lực ngoại ngữ cho HS và thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số trong nhà trường.

Dữ liệu phân tích đã xác lập mối liên hệ thuận chiều giữa mức độ chuyên cần trên nền tảng số và kết quả học tập của người học. Nghiên cứu chứng minh rằng việc duy trì tương tác thường xuyên với các công cụ học tập trực tuyến là nhân tố quyết định sự tiến bộ của HS. Bên cạnh đó, việc tích hợp các công nghệ tiên tiến như AI, học máy và các yếu tố trò chơi hóa đã tạo ra môi trường học tập cá nhân hóa, giúp tăng cường động lực nội tại và giảm bớt áp lực tâm lý cho HS trong kỉ nguyên số. Đặc biệt, nghiên cứu chỉ ra vai trò tích cực của IOE trong việc thúc đẩy công bằng giáo dục và thu hẹp khoảng cách tiếp cận ngoại ngữ chất lượng cao giữa các vùng miền. Sự gia tăng mạnh mẽ về quy mô tham gia tại các khu vực ngoài đô thị cho thấy tiềm năng của các nền tảng trực tuyến trong việc cung cấp nguồn học liệu và chuẩn đánh giá chất lượng cho những bối cảnh giáo dục còn hạn chế về hạ tầng và nhân lực. Kết quả này gợi mở tiềm năng của việc ứng dụng các giải pháp công nghệ nhằm mở rộng cơ hội học tập ngoại ngữ cho HS ở các vùng miền khác nhau, dù hiệu quả thực tế vẫn cần được xem xét trong mối tương quan với điều kiện kinh tế và hạ tầng công nghệ của từng nhóm người học.

Trên cơ sở các phát hiện của nghiên cứu, bài báo đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả chuyển đổi số giáo dục ngoại ngữ như sau: Về mặt quản lý, cần có các cơ chế khuyến khích phát triển nền tảng công nghệ giáo dục quy mô lớn, song hành với đầu tư hạ tầng số đồng bộ để đảm bảo bình đẳng giáo dục. Đối với các nhà trường, việc phối hợp chặt chẽ với các nền tảng công nghệ để khai thác dữ liệu học tập sẽ giúp GV theo dõi tiến trình và có những can thiệp kịp thời. Cuối cùng, các nghiên cứu tiếp theo cần đi sâu phân tích tác động chuyên biệt của từng tính năng AI đối với các kĩ năng ngôn ngữ cụ thể (Nghe, Nói, Đọc, Viết) nhằm tối ưu hóa các giải pháp giáo dục số trong tương lai. Bên cạnh đó, cũng có thể hướng tới các nghiên cứu định tính nhằm tìm hiểu cách thức IOE tác động trực tiếp đến sự phát triển kĩ năng tiếng Anh của từng nhóm khách thể nghiên cứu cụ thể (như HS ở các vùng miền, cấp học khác nhau, hoặc từ góc nhìn của GV và phụ huynh,...), từ đó mang lại những đánh giá đa chiều và toàn diện hơn về hiệu quả thực tế của nền tảng.

Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu đã khẳng định vai trò then chốt của các giải pháp công nghệ giáo dục trong việc đổi mới phương thức dạy và học ngoại ngữ. Việc tiếp tục đầu tư, hoàn thiện và ứng dụng hiệu quả các nền tảng đánh giá quy mô lớn như IOE sẽ là động lực quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời tạo ra những chuyển biến tích cực trong tiến trình hiện đại hóa nền giáo dục phổ thông tại Việt Nam hiện nay.

**Tuyên bố về vai trò của các tác giả:** Lê Anh Vinh, Đoàn Thị Thúy Hạnh: Đề xuất ý tưởng nghiên cứu, giám sát và điều phối toàn bộ quá trình nghiên cứu; đọc góp ý và chỉnh sửa bản thảo; Hồ Thị Hồng Vân, Phùng Thị Thu Trang, Trần Thị Bích Ngân: Thiết kế phương pháp và công cụ nghiên cứu; xử lý và phân tích dữ liệu; Võ Thanh Hà, Nguyễn Thị Chi, Bùi Thanh Thủy: Phát triển phương pháp nghiên cứu; trực quan hóa dữ liệu; tham gia viết và chỉnh sửa bản thảo; Lê Việt Hoà, Tô Thị Lan Anh: Thu thập dữ liệu; tham gia rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện bản thảo.

**Tuyên bố về GenAI và Quyền tác giả:** Trong quá trình chuẩn bị bản thảo này, các tác giả không sử dụng bất kỳ công cụ trí tuệ nhân tạo nào.

**Tuyên bố về xung đột lợi ích:** Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích liên quan đến nghiên cứu này.

**Thông tin tài trợ:** Nghiên cứu này thuộc nhiệm vụ “Nghiên cứu đánh giá tác động Chương trình Olympic tiếng Anh trên Internet (IOE) đối với việc dạy và học tiếng Anh trong nhà trường phổ thông ở Việt Nam”, được tài trợ của Công ty Cổ phần VTC Truyền thông trực tuyến.

### Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2010). *Quyết định số 4480/QĐ-BGDĐT ngày 06/10/2010 ban hành Thể lệ cuộc thi Olympic tiếng Anh trên Internet dành cho học sinh phổ thông*.
- Bộ GD-ĐT (2014). *Quyết định số 5572/QĐ-BGDĐT ngày 26/11/2014 ban hành Thể lệ cuộc thi Olympic tiếng Anh trên Internet (IOE)*.
- Chapelle, C. A. (2001). *Computer applications in second language acquisition: Foundations for teaching, testing and research*. Cambridge University Press.
- Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến (VTC Online) (2025). *Dữ liệu về sự tham gia và điểm của học sinh tham gia thi IOE giai đoạn 2021-2024*.
- Education First (2025). *EF English Proficiency Index 2024*. <https://www.ef.com/epi/>
- Graddol, D. (2006). *English Next: Why Global English May Mean the End of “English as a Foreign Language”*. The British Council.
- Graham, C. R. (2013). Emerging practice and research in blended learning. In M. G. Moore (Ed.), *Handbook of distance education* (3rd ed., pp. 333-350). Routledge.
- Hockly, N. (2015). Developments in online language learning. *ELT Journal*, 69(3), 308-313. <https://doi.org/10.1093/elt/ccv020>
- Hung, L. N. Q., & Bao, T. L. Q. (2023). Comparing the effectiveness of online and onsite learning in English proficiency classes: Learners’ perspectives. *Journal of Education and e-Learning Research*, 10(2), 201-208. <https://doi.org/10.20448/jeelr.v10i2.4541>
- IOE (n.d.). *Giới thiệu IOE*. <https://ioe.vn/gioi-thieu>
- Pham, N. K. T., Huynh, T., Tran, V. M. Q., Pham, N. N. P., Ho, H. T., & Nguyen, L. H. K. (2024). EFL Students’ Perceptions of E-learning Tools’ Effects on Students’ Engagement in English Speaking Skill Online Classes. *AsiaCALL Online Journal*, 15(1), 34-54. <https://doi.org/10.54855/acoj.241513>
- Redecker, C. (2017). *European framework for the digital competence of educators: DigCompEdu*. Publications Office of the European Union.
- Thủ tướng Chính phủ (2008). *Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”*.
- Thủ tướng Chính phủ (2017). *Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025*.
- Thủ tướng Chính phủ (2025). *Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 phê duyệt Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045*.
- Yunita, R. (2023). The effects of online learning on English language education during the COVID-19 pandemic: A meta-analysis. *Journal of English Language Teaching and Learning*, 4(2), 84-97. <https://doi.org/10.18860/jetle.v4i2.20617>